



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TÓM TẮT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ CUỐI KỲ	SỐ DƯ ĐẦU KỲ
I.	Tài sản ngắn hạn	244.196.814.170	232.101.022.984
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.160.276.946	6.757.530.360
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	159.330.000.000	198.573.930.318
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	72.575.999.517	24.578.008.084
4	Hàng tồn kho	2.019.109.431	1.907.846.685
5	Tài sản ngắn hạn khác	111.428.276	283.707.537
II	Tài sản dài hạn	978.759.342.393	985.928.763.601
1	Các khoản phải thu dài hạn	708.982.339.724	708.982.339.724
2	Tài sản cố định	255.963.380.701	263.292.479.402
	- Tài sản cố định hữu hình	255.963.380.701	263.292.479.402
	- Tài sản cố định vô hình	29.934.195.000	30.318.231.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	36.363.635
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.186.155.980	10.186.155.980
5	Tài sản dài hạn khác	3.627.465.988	3.467.788.495
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.222.956.156.563	1.218.029.786.585
I	Nợ phải trả	733.511.726.113	738.957.964.336
1	Nợ ngắn hạn	20.791.240.363	27.584.838.586
2	Nợ dài hạn	712.720.485.750	711.373.125.750
II	Vốn chủ sở hữu	489.444.430.450	479.071.822.249
1	Vốn chủ sở hữu	489.444.430.450	479.071.822.249
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.233.745.657	450.233.745.657
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.210.684.793	26.576.434.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.222.956.156.563	1.218.029.786.585

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.517.804.913	114.467.395.698
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.517.804.913	114.467.395.698
4	Giá vốn hàng bán	15.770.927.590	18.573.185.110
5	LN gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.746.877.323	95.894.210.588
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.720.188.906	2.817.603.191
7	Chi phí tài chính	91.945	855.085
8	Chi phí bán hàng	80.149.664.347	67.785.577.089
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.937.058.820	8.554.629.070
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.380.251.117	22.370.752.535
11	Thu nhập khác	563.674.678	99.725.320
12	Chi phí khác	29.129	-
13	Lợi nhuận khác	563.645.549	99.725.320
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.943.896.666	22.470.477.855
15	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.309.646.707	4.558.629.572
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.634.249.959	17.911.848.284

TP. HCM, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Diện